TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HN-ST
Ngày: 14-05-2024
V/v "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng;

2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc: "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 03 năm 2024, giữa:

*1. Nguyên đơn***:** Ông Trần Kha L, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (đối với yêu cầu chia tài sản chung) là bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1999; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/8/2023).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2001; Nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre**.**

Ông Trần Kha L, bà Nguyễn Thị Kim D có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và biên bản phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/03/2024, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Kha L và bà Nguyễn Thị T qua quen biết, tự tìm hiểu rồi tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tạp quán tại địa phương vào ngày 21/10/2022 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau lễ cưới, bà T về chung sống với ông L tại ấp Phú Hội, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống giữa hai người cũng hạnh phúc nhưng đến đầu tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Sau đó, bà T về nhà cha mẹ ruột ở ấp Sơn châu, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre sinh sống và giữa hai người sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay ông L xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, giữa ông L và bà T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L và bà T có số vàng cưới gồm 01 đôi hoa tai vàng 24K, 01 tấm lắc vàng 24K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K và 01 kiềng cổ vàng 24K. Khi bà T về nhà cha mẹ ruột ở đã mang theo toàn bộ số vàng này nên ông L yêu cầu bà T chia đôi số vàng này.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/05/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Kha L qua quen biết, tự tìm hiểu rồi tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tạp quán tại địa phương vào ngày 21/10/2022. Bà có đề nghị hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nhưng phía gia đình ông L không đồng ý. Quá trình chung sống, đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L mỗi lần đi làm về thường nghe lời của gia đình chửi mắng bà mà không nghe bà giải thích. Vì vậy, bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, khi về bà có mang theo vàng cưới của hai người nhưng do bà không có công ăn việc làm ổn định nên bà đã bán, tiêu xài hết, chỉ còn cặp bông tai 01 chỉ vàng 24K và 01 chiếc nhẫn cưới. Hiện hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên bà không có khả năng trả lại vàng cưới theo yêu cầu của ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L không có con chung.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Kha L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim Duy có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; còn bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Duy và bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kha L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 21/10/2022 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ đó đến nay ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông L và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo ông L, quá trình chung sống với bà T thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng đến đầu tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Hiện ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay ông L xác định tình cảm không còn, không thể sống chung với bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà T thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Hiện cả hai đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm nhau. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông L và bà T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận ông Trần Kha L và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa ông L và bà T không có con chung nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, ông L khai giữa ông và bà T có số vàng cưới gồm 01 đôi hoa tai vàng 24K, 01 tấm lắc vàng 24K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K và 01 kiềng cổ vàng 24K. Khi bà T về nhà cha mẹ ruột ở đã mang theo toàn bộ số vàng này nên ông L yêu cầu chia đôi số vàng này; còn bà

T thì cho rằng khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà có mang theo vàng cưới của hai người nhưng do bà không có công ăn việc làm ổn định nên bà đã bán, tiêu xài hết, chỉ còn cặp bông tai 01 chỉ vàng 24K và 01 chiếc nhẫn cưới. Hiện hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên bà không có khả năng trả lại vàng cưới theo yêu cầu của ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông L rút lại toàn bộ yêu câu chia tài sản chung của ông L đối với bà T. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện về tài sản chung nói trên là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L về việc yêu cầu chia tài sản chung là vàng cưới giữa ông L và bà T.

[6] Về nợ chung: Ông L và bà T khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông L phải chịu án phí về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là 300.000 đồng. Ông L không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 217, 218, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Trần Kha L đối với bà Nguyễn Thị T. Cụ thể tuyên:

Không công nhận ông Trần Kha L với bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Kha L đối với bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 đôi hoa tai vàng 24K, 01 tấm lắc vàng 24K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K và 01 kiềng cổ vàng 24K.

- Về nợ chung: Ông L và bà T khai không có nên không xem xét.

2/ Về án phí: Ông Trần Kha L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000005 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách,

tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho ông Trần Kha L số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu